

Bản án số: 24/2026/HS-PT
Ngày 15-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiếm

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Cẩm Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 28/2026/TLPT-HS ngày 09 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo Dương Ngọc Đ và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Dương Ngọc Đ, Mỗ Văn N, Nông Ngọc N, Hoàng Văn S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2026/HS-ST ngày 30-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Nông Ngọc N, sinh ngày 06-4-1979 tại tỉnh Lạng Sơn; Số CCCD 020079007***. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Công chức; trước đây là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam sinh hoạt tại Chi bộ Văn phòng đảng ủy xã T thuộc Đảng bộ xã T, tỉnh Lạng Sơn, nay đã bị khai trừ khỏi đảng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Quý T và bà Hoàng Thị Đ; có vợ là Nông Thu H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03-10-2024 đến nay; có mặt.

2. Dương Ngọc Đ, sinh ngày 25-5-1966 tại tỉnh Lạng Sơn; Số CCCD 024066001***. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn Q, xã C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kinh doanh; trước đây là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ thôn N thuộc Đảng bộ xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang, nay đã bị khai trừ khỏi đảng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;

tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Ngọc Đ1 và bà Cao Thị H; có vợ là Trịnh Thị B và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03-10-2024 đến nay; có mặt.

3. Mỗ Văn N, sinh ngày 16-6-1963 tại tỉnh Lạng Sơn; Số CCCD 020063007***. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trước đây là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam sinh hoạt tại Chi bộ thôn N thuộc Đảng bộ xã H, tỉnh Lạng Sơn, nay đã bị khai trừ khỏi đảng; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mỗ Văn T và bà Lý Thị H (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị B và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14-02-2025 đến ngày 10-4-2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

3. Hoàng Văn S, sinh ngày 08-11-1981 tại tỉnh Lạng Sơn; Số CCCD 020081006***. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn V, xã H1, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Công chức; trước khi phạm tội là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam sinh hoạt tại Chi bộ Ủy ban nhân dân xã H, thuộc Đảng bộ xã H, tỉnh Lạng Sơn, nay đã bị khai trừ khỏi đảng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Xuân T và bà Hà Thị H; có vợ là Viên Diệu T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03-10-2024 đến nay; có mặt.

Ngoài ra còn có 19 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11-3-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Gia tiếp nhận tin báo của Phòng An ninh kinh tế Công an tỉnh Lạng Sơn với nội dung: Có dấu hiệu sai phạm tại Dự án trồng cây ăn quả xen canh theo tiêu chuẩn VietGap tại Hợp tác xã P trên địa bàn xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã H, tỉnh Lạng Sơn) với số tiền 900.000.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định: Hợp tác xã P thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã số 4900800***, đăng ký lần đầu ngày 11/7/2016; đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 08/6/2020, địa chỉ trụ sở chính: thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn Q, xã C, tỉnh Lạng Sơn). Người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã: Dương Ngọc Đ - Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoạt động trong lĩnh vực chính là Trồng cây ăn quả. Ngày 16-5-2017, Hợp tác xã P hợp

nhóm tham gia xây dựng trang trại trồng cây ăn quả tổng hợp tại thôn K, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (*nay là thôn V, xã H, tỉnh Lạng Sơn*), gồm 06 người: Dương Ngọc Đ, Trần Thị T, Trịnh Sơn H, Lê Minh T, Nguyễn Khắc T, Mồ Văn N cùng thống nhất góp vốn mỗi người 200.000.000 đồng bằng tiền mặt để mua đất rừng sản xuất tại thôn K, xã H, tỉnh Lạng Sơn của một số hộ dân, trả bằng tiền mặt.

Sau khi mua được đất, từ khoảng tháng 10-2017 các thành viên Hợp tác xã P bắt đầu xây dựng trang trại trồng cây ăn quả tổng hợp. Dương Ngọc Đ thuê máy xúc san ủi làm đường vào các thửa đất, làm băng, đào hố để trồng cây và thuê nhân công là người dân sinh sống tại thôn V thực hiện phát dọn cây, bụi rậm và trồng cây. Dương Ngọc Đ trực tiếp trả tiền công người làm thuê. Đến đầu năm 2018 thì Nguyễn Khắc L xin tham gia Hợp tác xã P, đóng góp 200.000.000 đồng bằng tiền mặt. Đến tháng 3-2018 có khoảng 05 ha mặt bằng để trồng cây. Tiếp đó, từ tháng 4-2018 đến tháng 6-2018 thì trồng các loại cây mít, bơ 034, bưởi, số lượng mỗi loại 2000 cây. Từ tháng 10-2018 đến tháng 03-2019 tiếp tục thuê nhân công, máy xúc thực hiện san ủi làm băng, phát dọn cây trên các thửa còn lại được thêm khoảng 05 ha. Trong thời gian này Trịnh Sơn H rút không tham gia Hợp tác xã thì Dương Ngọc Mai A, là con gái Dương Ngọc Đ xin tham gia Hợp tác xã P thay Trịnh Sơn H (nhưng không có văn bản cuộc họp). Sau khi san ủi, dọn dẹp xong thì từ tháng 4-2019 đến tháng 6-2019 tiếp tục trồng cây bơ 034, bưởi ruột đỏ, số lượng mỗi loại là 2000 cây. Sau khi trồng cây, do kỹ thuật chăm sóc, ảnh hưởng của thời tiết khắc nghiệt và dịch bệnh Covid-19 không có nhân lực nên từ tháng 11-2019 cây chết hàng loạt, đến tháng 6-2020 thì Hợp tác xã dừng việc chăm sóc và trồng cây, dự án không đạt hiệu quả. Đầu năm 2020, Nguyễn Khắc L đã rút khỏi Hợp tác xã P.

Đối với việc xây dựng trang trại trồng cây ăn quả tổng hợp mà Hợp tác xã P tự thực hiện, Dương Ngọc Đ là người trực tiếp giao dịch mua bán cây giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, téc chứa nước, cụ thể như sau:

- Cây giống bưởi đỏ, bơ 034 mua với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông nghiệp T, địa chỉ: thôn V, xã C, huyện G, thành phố Hà Nội (*nay là thôn V, xã G, thành phố Hà Nội*) số tiền 720.000.000 đồng (trả trước 300.000.000 đồng và nợ lại 420.000.000 đồng).

- Thuốc bảo vệ thực vật mua với Cửa hàng thuốc bảo vệ thực vật Phan Văn T, địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (*nay là thôn Q, xã C, tỉnh Lạng Sơn*) số tiền 26.280.000 đồng (còn nợ lại số tiền này).

- Phân bón mua với hộ kinh doanh Nguyễn Thị Đ, địa chỉ: Đường B, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (*nay là đường B, xã H, tỉnh Lạng Sơn*) số tiền 118.980.000 đồng (còn nợ lại số tiền này).

- 04 téc nước mua với hộ kinh doanh Nguyễn Thị H, địa chỉ: kiốt 15-16 chợ Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (*nay là thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn*) số tiền 7.044.000 đồng (đã thanh toán hết số tiền này); 02 téc nước mua với hộ kinh doanh Nông Thị D, địa chỉ: chợ V, xã H1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (*nay là thôn V, xã H1, tỉnh Lạng Sơn*) với số tiền 4.700.000 đồng (còn nợ lại số tiền này).

Ngày 13-3-2019, UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 482/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019, trong đó có Dự án trồng cây ăn quả xen canh theo tiêu chuẩn VietGap tại Hợp tác xã P trên địa bàn xã H, huyện B với số tiền 900.000.000 đồng. Trên cơ sở đó, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 12-6-2019 về việc phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019 cho UBND xã H.

Khoảng tháng 3-2019, sau khi biết thông tin có Dự án trồng cây ăn quả xen canh theo tiêu chuẩn VietGap tại Hợp tác xã P được hỗ trợ số tiền 900.000.000 đồng, Mỗ Văn N trao đổi với Dương Ngọc Đ để dự án thuận lợi thì phải cùng nhau đến gặp Nông Ngọc N, là Chủ tịch UBND xã H nhờ giúp đỡ trong việc hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để Hợp tác xã P được hưởng số tiền 900.000.000 đồng. Mục đích lấy số tiền trên để trả tiền cây giống, vật tư mà Hợp tác xã P đã mua trước đó (năm 2017 – 2019). Sau đó, Dương Ngọc Đ cùng Mỗ Văn N đến gặp Nông Ngọc N nhờ tạo điều kiện giúp đỡ Hợp tác xã P được nhận nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước và được Nông Ngọc N đồng ý.

Đến khoảng tháng 6-2019, Dương Ngọc Đ cùng Mỗ Văn N tiếp tục đến gặp Nông Ngọc N đặt vấn đề nhờ Nông Ngọc N chỉ đạo cán bộ chuyên môn lập Hồ sơ dự án, hồ sơ quyết toán, mua hàng hóa dựa trên các thông tin mà mô hình Hợp tác xã P đã thực hiện trước đó. Nông Ngọc N nhận thức được việc lập hồ sơ quyết toán là không, rút tiền dự án để chi cho mô hình Hợp tác xã P đã thực hiện trước đó còn nợ; UBND xã H không thực hiện mua hàng hóa để thực hiện dự án theo quy định. Nhưng Nông Ngọc N mới về làm Chủ tịch UBND xã H, do nể nang và muốn lấy uy tín với Mỗ Văn N (thời điểm đó là Bí thư Đảng ủy xã H, thành viên Hợp tác xã P) nên Nông Ngọc N đồng ý và giao cho Hoàng Văn S, là Công chức Kế toán UBND xã H và Triệu Thị T, là Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng - Môi trường UBND xã H phối hợp thực hiện. Dương Ngọc Đ phối hợp với Triệu Thị T xây dựng hồ sơ thuyết minh Dự án trình UBND huyện B qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thực hiện thẩm định Hồ sơ dự án. Ngày 21-10-2019, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2405/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án trồng cây ăn quả xen canh theo tiêu chuẩn VietGap của Hợp tác xã P thực hiện tại Kéo Khảo, thôn K, xã H, huyện B năm 2019.

Sau khi được UBND huyện B quyết định phê duyệt dự án, Dương Ngọc Đ liên hệ với các đơn vị bán hàng gồm cây giống, thuốc bảo vệ thực vật, tép nước, phân bón mà trước đó Hợp tác xã P đã mua từ giai đoạn năm 2017 - 2019 vẫn còn nợ, để nhờ họ ký lại các phiếu khảo giá, hợp đồng mua hàng và xuất hóa đơn (*Mua cây giống 720.000.000 đồng; phân bón 118.980.000 đồng; thuốc bảo vệ thực vật 26.280.000 đồng; tép nước 11.744.000 đồng*) để Dương Ngọc Đ mang về cung cấp cho Hoàng Văn S hoàn thiện hồ sơ dự án, hồ sơ quyết toán để Hợp tác xã P nhận số tiền 877.004.000 đồng, chi trả cho các khoản nợ của Hợp tác xã P đã thực hiện từ giai đoạn năm 2017 - 2019.

Số tiền còn lại là 22.996.000 đồng mục đích để chi cho tập huấn và quản lý dự án. Khi lập hồ sơ quyết toán số tiền này, qua trao đổi với Dương Ngọc Đ, Triệu Thị T biết không thực hiện Dự án mới, việc lập hồ sơ quyết toán là không, vì thực tế không mở lớp tập huấn và mua sắm văn phòng phẩm phục vụ việc tập huấn nhưng Triệu Thị T đồng ý vẫn thực hiện. Dương Ngọc Đ cung cấp danh sách thông tin về những người tham gia tập huấn và giảng viên có ghi số tiền cần chi là 3.700.000 đồng để cho Triệu Thị T lập hồ sơ quyết toán, Dương Ngọc Đ dùng số tiền này chi cho hoạt động trước đó của Hợp tác xã P. Số tiền còn lại 19.296.000 đồng Triệu Thị T tự hoàn thiện hóa đơn, chứng từ để quyết toán rồi dùng tiền này vào các hoạt động chi tiêu của Ủy ban nhân dân xã.

Về bản chất, Dự án trồng cây ăn quả xen canh theo tiêu chuẩn VietGap tại Hợp tác xã P là dự án mới, UBND xã H là chủ đầu tư phải thực hiện việc mua sắm vật tư, hàng hóa và giao cho Hợp tác xã P triển khai thực hiện. Tuy nhiên, việc lập hồ sơ quyết toán là để hợp thức hóa Mô hình trang trại trồng cây ăn quả tổng hợp mà Hợp tác xã P đã thực hiện năm 2017-2019. Trên thực tế Dự án trồng cây ăn quả xen canh theo tiêu chuẩn VietGap năm 2019 được phê duyệt nhưng không thực hiện mua cây giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và téc nước như Hồ sơ quyết toán đã thể hiện. Việc lập hồ sơ quyết toán này là hợp thức hóa hồ sơ, chứng từ với mục đích để rút tiền ngân sách Nhà nước để chi dùng vào các khoản tiền mà Hợp tác xã P còn nợ trước đó. Quá trình lập hồ sơ, Mỗ Văn N thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo thực hiện nhanh thủ tục, hồ sơ để rút tiền ngân sách Nhà nước.

Sau khi hoàn thiện Hồ sơ quyết toán, Hoàng Văn S thực hiện chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng của các đơn vị bán hàng với số tiền đã thể hiện trong Hồ sơ quyết toán. Sau đó, Dương Ngọc Đ đến gặp các đơn vị bán hàng để thanh toán số tiền nợ và lấy số tiền còn thừa về tiếp tục thanh toán cho các cá nhân, đơn vị khác, cụ thể như sau:

- Đối với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông nghiệp T khi nhận được số tiền 720.000.000 đồng từ UBND xã H đã trừ số tiền Hợp tác xã P còn nợ là 420.000.000 đồng. Còn lại 300.000.000 đồng đã chuyển lại vào tài khoản ngân hàng số 8412205020965 của Dương Ngọc Đ. Số tiền này Dương Ngọc Đ đã chi cho hai khoản nợ của Hợp tác xã trước đó gồm: 110.000.000 đồng trả tiền mua phân gà cho bà Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1969, trú tại thôn Q, xã C, tỉnh Lạng Sơn và 190.000.000 đồng trả tiền công máy xúc tạo đường băng, đào hố cho Hoàng Văn H, sinh năm 1981, trú tại thôn N, xã H, tỉnh Lạng Sơn.

- Đối với cửa hàng Nguyễn Thị Đ khi nhận được số tiền 118.980.000 đồng từ UBND xã H đã trừ hết vào số tiền nợ phân bón của Hợp tác xã mà Dương Ngọc Đ đã mua trước đó.

- Đối với cửa hàng Phan Văn T khi nhận được số tiền 26.280.000 đồng từ UBND xã H đã trừ vào số tiền nợ của Hợp tác xã mua thuốc bảo vệ thực vật trước đó.

- Đối với cửa hàng Nguyễn Thị H, trước đó được bán 04 téc nước cho Dương Ngọc Đ với giá 7.044.000 đồng nhưng Dương Ngọc Đ nhờ ký hóa đơn bán 06 téc nước với số tiền 11.744.000 đồng để đưa vào Hồ sơ quyết toán. Khi

cửa hàng nhận được số tiền 11.744.000 đồng từ UBND xã H, Dương Ngọc Đ đến cửa hàng lấy lại toàn bộ số tiền 11.744.000 đồng, do trước đó đã trả xong tiền mua 04 tét nước. Trong số tiền này, Dương Ngọc Đ đã đưa 4.700.000 đồng cho Nguyễn Khắc T đi trả tiền nợ 02 tét nước của cửa hàng Nông Thị D; còn 7.044.000 đồng Dương Ngọc Đ đã trả nợ tiền nhân công cho Hoàng Duy Đ, sinh năm 1958, trú tại thôn H, xã C, tỉnh Lạng Sơn.

- Ngoài ra, số tiền chi tập huấn 22.996.000 đồng trong tổng số tiền 900.000.000 đồng, khi Triệu Thị T lập hồ sơ thanh quyết toán không, Triệu Thị T đã chuyển cho Dương Ngọc Đ 3.700.000 đồng tiền giảng viên và học viên tham gia tập huấn. Dương Ngọc Đ đã sử dụng số tiền này trả nợ tiền nhân công cho Nguyễn Khắc T đã lao động làm công cho Hợp tác xã P. Số tiền còn lại Triệu Thị T chi cho các hoạt động của Ủy ban nhân xã, gồm: Mua văn phòng phẩm, giấy, phô tô tài liệu hết 13.410.000 đồng và chi bồi dưỡng làm thêm giờ 5.886.000 đồng cho Nông Ngọc N, Hoàng Văn S, Triệu Thị T, mỗi người được 1.962.000 đồng.

Bị cáo Dương Ngọc Đ khai: Sau khi nhận được tiền hỗ trợ của Nhà nước, vào thời gian gần Tết Nguyên đán năm 2020, Dương Ngọc Đ đến UBND xã H đưa cho Nông Ngọc N số tiền 13.000.000 đồng để chúc Tết và cảm ơn các cá nhân đã giúp đỡ làm hồ sơ dự án. Đây là số tiền cá nhân của Dương Ngọc Đ, không liên quan đến tiền hỗ trợ Hợp tác xã P, Nông Ngọc N không yêu cầu, đòi hỏi hay hứa hẹn gì từ trước.

Nông Ngọc N khai: Sau khi nhận được số tiền trên đã đưa cho Hoàng Văn S 3.000.000 đồng và Triệu Thị T 3.000.000 đồng, nói là tiền ăn Tết, Nông Ngọc N giữ lại 7.000.000 đồng và đã chi tiêu hết. Quá trình điều tra không đủ căn cứ xác định các bị cáo có bàn bạc, hứa hẹn về việc sẽ đưa tiền để lập hồ sơ không rút tiền ngân sách Nhà nước.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nông Ngọc N, Dương Ngọc Đ, Hoàng Văn S, Mỗ Văn N, Triệu Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2026/HS-ST ngày 30-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn đã quyết định:

Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 50, 58, 38, 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Dương Ngọc Đ, Mỗ Văn N. Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 50, 58, 38, 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Ngọc N và Hoàng Văn S.

Tuyên bố các bị cáo Dương Ngọc Đ, Mỗ Văn N, Nông Ngọc N, Hoàng Văn S phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Xử phạt các bị cáo Dương Ngọc Đ 03 năm tù, Mỗ Văn N 03 năm tù, Nông Ngọc N 02 năm 06 tháng tù, Hoàng Văn S 02 năm tù. Phạt bổ sung các bị cáo Dương Ngọc Đ, Mỗ Văn N mỗi bị cáo 30.000.000 đồng, Nông Ngọc N 20.000.000 đồng, Hoàng Văn S 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên xử phạt bị cáo Triệu Thị T 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, phạt bổ sung bị cáo Triệu Thị T 10.000.000 đồng, tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Trong thời hạn luật định, các bị cáo Dương Ngọc Đ, Mỗ Văn N, Nông Ngọc N, Hoàng Văn S kháng cáo xin hưởng án treo. Bị cáo Dương Ngọc Đ vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Mỗ Văn N, Nông Ngọc N và Hoàng Văn S bổ sung thêm nội dung nếu không được hưởng án treo thì xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Dương Ngọc Đ, Mỗ Văn N, Nông Ngọc N và Hoàng Văn S về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm, xử phạt các bị cáo là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm các bị cáo đều có tình tiết mới, các bị cáo đều đã nộp tiền để thi hành án hình phạt bổ sung là phạt tiền; bị cáo Dương Ngọc Đ nộp bổ sung các tài liệu mới thể hiện bị cáo được tặng Kỷ niệm chương cựu chiến binh Việt Nam, Kỷ niệm chương vì sự nghiệp các dân tộc, Kỷ niệm chương vì giai cấp nông dân Việt Nam, Kỷ niệm chương vì sự nghiệp chăm sóc và phát huy người cao tuổi, bệnh án của bị cáo điều trị bị tai nạn giao thông nghiêm trọng; bị cáo Mỗ Văn N đã ủng hộ xóa nhà tạm, nhà dột nát năm 2026 số tiền 3.000.000 đồng, được Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Lạng Sơn tặng Giấy khen năm 2010, 2011, tặng danh hiệu Lao động tiên tiến năm 2016, Ủy ban D tỉnh Lạng Sơn tặng Giấy khen năm 1999, Trường C tỉnh Lạng Sơn tặng Giấy khen năm 2002, Ban Chấp hành Đảng ủy xã H tặng Giấy khen năm 2023, gia đình bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H tặng Giấy khen năm 2022, giấy xác nhận nhân thân có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo Nông Ngọc N nộp bổ sung các tài liệu mới thể hiện bị cáo ủng hộ các hộ dân bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 11 trên địa bàn xã 2 lần mỗi lần 1.000.000 đồng, giấy xác nhận nhân thân có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo Hoàng Văn S nộp bổ sung các tài liệu mới thể hiện bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H tặng Giấy khen đã có thành tích trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, bị cáo ủng hộ chương trình Xóa nhà tạm, nhà dột nát năm 2026 số tiền 3.000.000 đồng, ủng hộ Chương trình “Tết nhân ái” Xuân Bính Ngọ năm 2026 số tiền 3.000.000 đồng. giấy xác nhận nhân thân có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm trách nhiệm hình sự mới mà các bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo Mỗ Văn N có vai trò cao nhất trong vụ án, cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Mỗ Văn N để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo tính răn đe và giáo dục trong công tác đấu tranh và phòng, chống tội phạm.

Các bị cáo Dương Ngọc Đ, Nông Ngọc N và Hoàng Văn S làm theo sự chỉ đạo của bị cáo Mỗ Văn N, các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đủ điều kiện được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Mỗ Văn N, sửa án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Mỗ Văn N 06 tháng tù; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Ngọc Đ, Nông Ngọc N và Hoàng Văn S; giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo Dương Ngọc Đ, Nông Ngọc N và Hoàng Văn S được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, vắng mặt bị cáo Dương Ngọc Đ, tuy nhiên bị cáo đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do bất khả kháng (bị cáo bị tai nạn giao thông, đang phải điều trị). Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Dương Ngọc Đ.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Mỗ Văn N, Nông Ngọc N, Hoàng Văn S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm đã nêu; bị cáo Dương Ngọc Đ vắng mặt tại toà, căn cứ lời khai có trong hồ sơ vụ án của bị cáo Dương Ngọc Đ đã thể hiện bị cáo Dương Ngọc Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội; lời nhận tội của các bị cáo phù hợp các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.1] Trong vụ án này, các bị cáo đã có hành vi kê không để thanh toán số tiền hỗ trợ dự án, nhưng không nhằm mục đích chiếm đoạt; số tiền hỗ trợ dự án các bị cáo đã chi dùng 877.004.000 đồng trả nợ cho các hạng mục, hợp thức hóa Mô hình trang trại trồng cây ăn quả tổng hợp mà Hợp tác xã P đã triển khai, thực hiện từ năm 2017-2019 và chi dùng 22.996.000 đồng cho các hoạt động của Ủy ban nhân dân xã. Hành vi của các bị cáo Mỗ Văn N, Nông Ngọc N, Hoàng Văn S đã làm trái quy định, trái công vụ gây thất thoát tài sản của Nhà nước. Bị cáo Dương Ngọc Đ không phải là người thi hành công vụ nhưng bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm nên cũng phải chịu trách nhiệm hình sự chung với các bị cáo khác.

[2.2] Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Dương Ngọc Đ, Mỗ Văn N, Nông Ngọc N, Hoàng Văn S về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm cơ bản đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra. Tòa

án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo là tương đối phù hợp.

[4] Sau khi xét xử sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Dương Ngọc Đ, Mỗ Văn N, Nông Ngọc N, Hoàng Văn S đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ mới như sau:

[4.1] Bị cáo Dương Ngọc Đ đã nộp 30.200.000 đồng để thi hành toàn bộ số tiền phạt bổ sung và tiền án phí sơ thẩm, Kỷ niệm chương cựu chiến binh Việt Nam, Kỷ niệm chương vì sự nghiệp các dân tộc, Kỷ niệm chương vì giai cấp nông dân Việt Nam, Kỷ niệm chương vì sự nghiệp chăm sóc và phát huy người cao tuổi. Trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm, bị cáo bị tai nạn giao thông nghiêm trọng dẫn đến sức khỏe bị suy giảm đáng kể. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015

[4.2] Bị cáo Mỗ Văn N đã nộp 30.200.000 đồng để thi hành toàn bộ số tiền phạt bổ sung và tiền án phí sơ thẩm, bị cáo đã ủng hộ xóa nhà tạm, nhà dột nát năm 2026 số tiền 3.000.000 đồng, được Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Lạng Sơn tặng Giấy khen năm 2010, 2011, tặng danh hiệu Lao động tiên tiến năm 2016, Ủy ban D tỉnh Lạng Sơn tặng Giấy khen năm 1999, Trường C tỉnh Lạng Sơn tặng Giấy khen năm 2002, Ban Chấp hành Đảng ủy xã H tặng Giấy khen năm 2023, gia đình bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H tặng Giấy khen năm 2022. Bị cáo có giấy xác nhận nhân thân có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.3] Bị cáo Nông Ngọc N đã nộp 20.200.000 đồng để thi hành toàn bộ số tiền phạt bổ sung và tiền án phí sơ thẩm, bị cáo ủng hộ các hộ dân bị ảnh hưởng bởi con bão số 11 trên địa bàn xã 02 lần, mỗi lần 1.000.000 đồng. Bị cáo có giấy xác nhận nhân thân có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.4] Bị cáo Hoàng Văn S đã nộp 10.200.000 đồng để thi hành toàn bộ số tiền phạt bổ sung và tiền án phí sơ thẩm, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H tặng Giấy khen đã có thành tích trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, bị cáo ủng hộ chương trình Xóa nhà tạm, nhà dột nát năm 2026 số tiền 3.000.000 đồng, ủng hộ Chương trình “Tết nhân ái” Xuân Bính Ngọ năm 2026 số tiền 3.000.000 đồng. Bị cáo có giấy xác nhận nhân thân có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.5] Các bị cáo đều đã nộp tiền để thi hành toàn bộ số tiền phạt bổ sung và tiền án phí sơ thẩm, nên cần xác nhận cũng như hoàn trả cho bị cáo theo quy định pháp luật.

[5] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5.1] Đối với bị cáo Mỗ Văn N là người lãnh đạo đứng đầu xã, là thành viên Hợp tác xã P, bị cáo phải nhận thức được làm trái quy định, làm trái công vụ là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn tác động đến các bị cáo khác làm trái công vụ, dẫn đến thất thoát tài sản của Nhà nước; cần xử tù giam đối với bị cáo Mỗ Văn N để đảm bảo tính răn đe, giáo dục trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo Mỗ Văn N đã cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; cần sửa án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5.2] Đối với các bị cáo Dương Ngọc Đ, Nông Ngọc N, Hoàng Văn S đều bị xử phạt tù không quá 03 năm, các bị cáo đều có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này thì chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, 03 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng; tại cấp phúc thẩm các bị cáo có thêm tình tiết mới; tài sản Nhà nước bị thất thoát đã được các bị cáo đã khắc phục đầy đủ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam đối với 03 bị cáo; việc cho các bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ đảm bảo tính răn đe phòng chống tội phạm.

[5.3] Ngoài ra, cũng cần xem xét, bị cáo Dương Ngọc Đ không phải là người thi hành công vụ, thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm, bị cáo là chủ nhiệm của Hợp tác xã P, khi quyết định hình phạt cần xem xét, ngoài việc cho bị cáo hưởng án treo cũng cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, nội dung nào là phù hợp với nhận định nêu trên thì được chấp nhận; nội dung nào không phù hợp thì không được chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo Dương Ngọc Đ, Mỗ Văn N, Nông Ngọc N, Hoàng Văn S được Hội đồng xét xử chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Mỗ Văn N; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Dương Ngọc Đ, Nông Ngọc N, Hoàng Văn S. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2026/HS-ST ngày 30-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn về phần hình phạt đối

với các bị cáo Dương Ngọc Đ, Mỗ Văn N, Nông Ngọc N, Hoàng Văn S, cụ thể như sau:

1.1. Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Dương Ngọc Đ. Xử phạt bị cáo Dương Ngọc Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 15-6-2026.

Giao bị cáo Dương Ngọc Đ cho Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để thi hành án, theo Biên lai thu tiền số 0000245 ngày 11/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

1.2. Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Mỗ Văn N. Xử phạt bị cáo Mỗ Văn N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 14-02-2025 đến ngày 10-4-2025.

Phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để thi hành án, theo Biên lai thu tiền số 0000232 ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

1.3. Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đối với bị cáo Nông Ngọc N. Xử phạt bị cáo Nông Ngọc N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 15-6-2026.

Giao bị cáo Nông Ngọc N cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để thi hành án, theo Biên lai thu tiền số 0000211 ngày 05/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

1.4. Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đối với bị cáo Hoàng Văn S. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn

S 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 15-6-2026.

Giao bị cáo Hoàng Văn S cho Ủy ban nhân dân xã H1, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H1, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp 10.000.000 (mười triệu) đồng để thi hành án, theo Biên lai thu tiền số 0000192 ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

1.5. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí

2.1. Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo Dương Ngọc Đ, Nông Ngọc N, Hoàng Văn S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Bị cáo Mỗ Văn N được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

2.1.1. Xác nhận bị cáo Dương Ngọc Đ đã nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng để thi hành án, theo Biên lai thu tiền số 0000245 ngày 11/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

2.1.2. Xác nhận bị cáo Nông Ngọc N đã nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng để thi hành án, theo Biên lai thu tiền số 0000211 ngày 05/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

2.1.3. Xác nhận bị cáo Hoàng Văn S đã nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng để thi hành án, theo Biên lai thu tiền số 0000192 ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

2.1.4. Hoàn trả lại cho bị cáo Mỗ Văn N số tiền đã nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng để thi hành án, theo Biên lai thu tiền số 0000232 ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

2.2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Dương Ngọc Đ, Mỗ Văn N, Nông Ngọc N, Hoàng Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng

ngộ có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Hà Nội;
- Viện CT và XXPT tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PC01, PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 3-Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa HS; HCTP; GĐKT,TT&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiếm